# THỰC TRẠNG TRẢI NGHIỆM SANG CHẤN THỜI THƠ ẤU Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA TỈNH ĐẮK LẮK

**Phạm Thị Thu Diễm**
**Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh**
**Email: diemptt.tali034@pg.hcmue.edu.vn**

***Tóm tắt***: *Nghiên cứu này nhằm khảo sát thực trạng trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ở học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Khảo sát được thực hiện trên 548 học sinh bằng Thang đo Trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu (CTQ), dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả. Kết quả cho thấy tổng điểm trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu của học sinh chủ yếu ở mức trung bình. Trong các khía cạnh, bỏ bê cảm xúc có tỷ lệ học sinh ở mức nghiêm trọng cao nhất (39,4%), tiếp đến là lạm dụng cảm xúc (25,2%) và bỏ bê thể chất (13,9%), trong khi đó, lạm dụng thể chất và lạm dụng tình dục có tỷ lệ thấp hơn. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho công tác sàng lọc, phòng ngừa và hỗ trợ sức khỏe tâm thần học đường với học sinh trung học phổ thông.*

***Từ khóa***: *sang chấn thời thơ ấu, lạm dụng cảm xúc, bỏ bê cảm xúc, học sinh THPT.*

# CURRENT STATUS OF CHILDHOOD TRAUMA EXPERIENCES AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS IN DAK LAK PROVINCE

***Abstract:*** *This study aimed to investigate the current status of childhood trauma experiences among high school students in Dak Lak Province, Vietnam. A survey was conducted with 548 high school students using the Childhood Trauma Questionnaire (CTQ), and the data were analyzed using descriptive statistics. The results indicated that the overall level of childhood trauma experiences was predominantly moderate. Among the five dimensions, emotional neglect had the highest proportion of students at the severe level (39.4%), followed by emotional abuse (25.2%) and physical neglect (13.9%), whereas physical abuse and sexual abuse were reported at considerably lower rates. The findings provide practical evidence for the development of screening, prevention, and school-based mental health support programs for high school students.*

***Keywords:*** *childhood trauma, emotional abuse, emotional neglect, high school students.*

*Nhận bài: 06/07/2026* *Phản biện: 06/08/2026* *Duyệt đăng: 09/08/2026*

## I. MỞ ĐẦU

Thời thơ ấu là giai đoạn nền tảng đối với sự phát triển thể chất, nhận thức và tâm lý của mỗi cá nhân. Những trải nghiệm trong giai đoạn này có ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách, khả năng thích ứng và sức khỏe tâm thần. Bên cạnh những trải nghiệm tích cực, trẻ em có thể phải đối mặt với những trải nghiệm sang chấn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển. Theo Nguyễn Phương Hồng Ngọc và cộng sự (2022), trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu là trải nghiệm bất lợi xảy ra trước 18 tuổi, liên quan đến các hành vi lạm dụng hoặc bỏ mặc từ người nuôi dưỡng, chăm sóc hoặc những người xung quanh, được thể hiện ở năm phương diện: lạm dụng thể chất, lạm dụng cảm xúc, lạm dụng tình dục, bỏ mặc thể chất và bỏ mặc cảm xúc.

Trong những năm gần đây, trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ngày càng được quan tâm trong nghiên cứu sức khỏe tâm thần trẻ em và vị thành niên. Các bằng chứng cho thấy trải nghiệm bất lợi kéo dài có thể gây ra tình trạng căng thẳng độc hại, ảnh hưởng đến cấu trúc và chức năng não bộ, qua đó tác động đến điều hòa cảm xúc, nhận thức, hành vi và các mối quan hệ xã hội. Những ảnh hưởng này có thể kéo dài đến tuổi trưởng thành, làm gia tăng nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh lý mạn tính, suy giảm chất lượng cuộc sống và khả năng thích ứng xã hội (Felitti và cộng sự, 1998; Shonkoff và cộng sự, 2012; Hughes và cộng sự, 2017).

Đối với học sinh trung học phổ thông, giai đoạn có nhiều biến chuyển về thể chất, tâm lý, nhận thức và xã hội, đồng thời phải đối mặt với áp lực học tập, định hướng nghề nghiệp và những thay đổi trong các mối quan hệ, những tác động của trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu có xu hướng bộc lộ rõ nét hơn. Theo đó, trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu gây gia tăng các nguy cơ về sức khỏe tâm thần ở thanh thiếu niên, như lo âu, trầm cảm, hành vi tự hại, suy giảm khả năng phục hồi tâm lý và khó khăn trong thích ứng xã hội (Russell và cộng sự, 2021; Yan và cộng sự, 2024). Trong khoảng thời gian gần đây, các nghiên cứu tại Việt Nam cũng ghi nhận trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu có tương quan

thuận chiều với các triệu chứng trầm cảm, lo âu, hành vi tự tử và các hành vi nguy cơ ở học sinh và sinh viên (Nguyễn Thanh Hương và cộng sự, 2020; Phạm Tiến Sỹ và cộng sự, 2021; Nguyễn Chu Minh Ánh, 2022; Nguyễn Thị Phương Trang và cộng sự, 2025).

Như vậy, mặc dù đã có một số nghiên cứu được thực hiện nhằm phản ánh về thực trạng trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ở trẻ em và thanh thiếu niên, các nghiên cứu chuyên biệt trên học sinh trung học phổ thông vẫn còn tương đối hạn chế. Mặt khác, Đắk Lắk là tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên, có đặc điểm dân cư đa dạng và điều kiện kinh tế  xã hội còn có sự khác biệt giữa các khu vực, trong khi các nghiên cứu về trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ở học sinh tại địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Vì vậy, nghiên cứu trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ở học sinh trung học phổ thông tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk có ý nghĩa trong việc nhận diện sớm các nguy cơ đối với sức khỏe tâm thần, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho công tác phòng ngừa, can thiệp và chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường (Nguyễn Phương Hồng Ngọc và cộng sự, 2022). Trên cơ sở đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu của học sinh trung học phổ thông tại tỉnh Đắk Lắk.

## II. MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện tại 3 trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Việc khảo sát được thực hiện sau khi nhận được sự đồng ý của nhà trường và phụ huynh. Toàn bộ học sinh tham gia nghiên cứu đều tự nguyện, được thông tin về mục đích của nghiên cứu, bảo đảm tính ẩn danh và quyền bảo mật thông tin. Dữ liệu thu thập chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

### 2.1. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 548 học sinh của 3 trường trung học phổ thông tại tỉnh Đắk Lắk, được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Trong đó, học sinh nữ chiếm 53,8% và học sinh nam chiếm 46,2%. Về khối lớp, khách thể tham gia nghiên cứu có sự phân bố khá đồng đều, với học sinh lớp 10 chiếm 35,6%, lớp 11 chiếm 32,3% và lớp 12 chiếm 32,1%. Về điều kiện kinh tế gia đình, đa số học sinh tự đánh giá gia đình có mức sống trung bình (75,7%), tiếp đến là khá giả (15,0%), trong khi nhóm có hoàn cảnh khó khăn và rất khó khăn chiếm 9,3%.

### 2.2. Công cụ nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, công cụ được sử dụng là phiếu khảo sát tự báo cáo cho học sinh trung học phổ thông, bao gồm các câu hỏi thu thập thông tin nhân khẩu và thang đo đã thích nghi. Cụ thể như sau:

Bảng câu hỏi sang chấn thời thơ ấu (Childhood Trauma Questionnaire - CTQ) của Bernstein và cộng sự (2003) được sử dụng nhằm đo lường mức độ trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu của học sinh. Bảng hỏi này gồm 28 biến quan sát, trong đó 25 biến dùng để đo lường các biểu hiện thuộc năm khía cạnh bao gồm: (1) Lạm dụng cảm xúc, (2) Lạm dụng thể chất, (3) Lạm dụng tình dục, (4) Bỏ bê cảm xúc, (5) Bỏ bê thể chất. Đồng thời 3 biến quan sát còn lại là các mục đánh giá xu hướng phủ nhận hay giảm nhẹ những trải nghiệm bất lợi trong thời thơ ấu và không được tính vào điểm của thang đo.

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phiên bản CTQ được Nguyễn Thị Ngọc Bé (2015) dịch thuật, thích nghi và kiểm định trên mẫu nghiên cứu tại Việt Nam. Biến quan sát được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ, bao gồm: 1 – Không bao giờ; 2 – Rất ít khi; 3 – Ít khi; 4 – Thường xuyên; 5 – Rất thường xuyên. Điểm càng cao phản ánh mức độ trải nghiệm lạm dụng hoặc bỏ bê trong thời thơ ấu càng lớn.

Trong khảo sát chính thức, các biến quan sát đều đáp ứng về độ tin cậy và được giữ lại để phân tích. Hệ số Cronbach’s Alpha của toàn thang đạt $\alpha = 0,889$; hệ số Cronbach’s Alpha của các mặt biểu hiện lần lượt là: Lạm dụng cảm xúc ($\alpha = 0,759$), Lạm dụng thể chất ($\alpha = 0,744$), Lạm dụng tình dục ($\alpha = 0,754$), Bỏ bê thể chất ($\alpha = 0,756$) và Bỏ bê cảm xúc ($\alpha = 0,743$).

### 2.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Các phương pháp thống kê mô tả, bao gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn được sử dụng để mô tả thực trạng trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu của học sinh trung học phổ thông.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

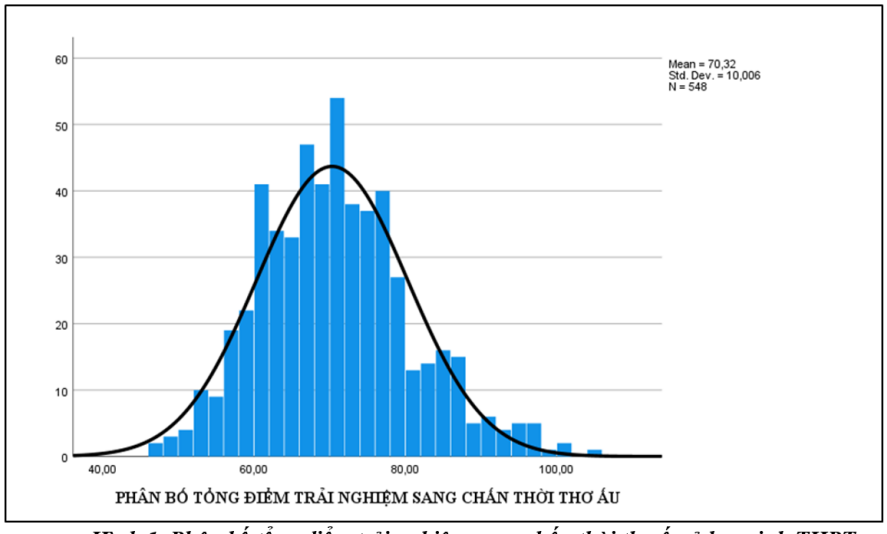


*Hình 1. Phân bố tổng điểm trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ở học sinh THPT*

Kết quả từ Hình 1 cho thấy tổng điểm trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu của học sinh trung học phổ thông có điểm trung bình đạt 70,32 (ĐLC = 10,01). Biểu đồ phân bố điểm cho thấy phần lớn học sinh có tổng điểm tập trung trong khoảng từ 60 đến 80 điểm, với đỉnh phân bố nằm quanh mức 68–74 điểm. Phân bố điểm số có xu hướng gần với phân phối chuẩn và lệch phải nhẹ, phản ánh đa số học sinh có mức trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ở mức trung bình, trong khi đó, chỉ một số ít học sinh có tổng điểm rất cao hoặc rất thấp. Nhìn chung, tổng điểm trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu của học sinh trong mẫu nghiên cứu có sự phân bố tương đối tập trung và không xuất hiện nhiều trường hợp có mức trải nghiệm sang chấn rất cao.

**Bảng 1. Thống kê mô tả các dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu**

| Biến số | Min | Max | ĐTB | ĐLC |
|---|---|---|---|---|
| Lạm dụng cảm xúc | 1,80 | 5,00 | 3,16 | 0,55 |
| Lạm dụng thể chất | 1,00 | 4,40 | 2,53 | 0,57 |
| Lạm dụng tình dục | 1,20 | 3,60 | 2,14 | 0,43 |
| Bỏ bê cảm xúc | 1,80 | 4,80 | 3,38 | 0,54 |
| Bỏ bê thể chất | 1,40 | 4,80 | 2,86 | 0,60 |

Kết quả thống kê từ bảng 1 cho thấy trong năm dạng trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu được khảo sát, khía cạnh bỏ bê cảm xúc có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,38), tiếp đến là lạm dụng cảm xúc (ĐTB= 3,16) và bỏ bê thể chất (ĐTB= 2,86). Lạm dụng thể chất có mức điểm trung bình là 2,53, trong khi lạm dụng tình dục có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 2,14). Nhìn chung, kết quả cho thấy các trải nghiệm có liên quan đến bỏ bê và lạm dụng cảm xúc có mức độ biểu hiện cao hơn so với các dạng lạm dụng thể chất và tình dục trong mẫu nghiên cứu.

**Bảng 2: Mức độ trải nghiệm sang chấn về lạm dụng cảm xúc ở học sinh THPT**

| Biểu hiện | ĐTB | ĐLC |
|---|---|---|
| Mọi người trong gia đình gọi tôi bằng những từ đại loại như "đồ ngu", "đồ lười biếng" hoặc "đồ súc vật". | 3.19 | 0.79 |
| Tôi nghĩ rằng bố mẹ tôi mong là đã không sinh tôi ra. | 3.14 | 0.77 |
| Mọi người trong gia đình tôi nói những lời gây tổn thương hoặc lăng mạ, sỉ nhục tôi. | 3.15 | 0.78 |
| Tôi cảm thấy rằng mọi người trong gia đình ghét tôi. | 3.17 | 0.75 |
| Tôi tin rằng tôi đã bị xâm hại về cảm xúc. | 3.13 | 0.79 |
| Chung | 3.16 | 0.55 |

Kết quả thể hiện tại Bảng 2 cho thấy mức trải nghiệm lạm dụng cảm xúc của học sinh trung học phổ thông có điểm trung bình chung đạt 3,16. Trong các biểu hiện, nội dung "Mọi người trong gia đình gọi tôi bằng những từ đại loại như 'đồ ngu', 'đồ lười biếng' hoặc 'đồ súc vật'" có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,19), tiếp đến là "Tôi cảm thấy rằng mọi người trong gia đình ghét tôi" (ĐTB = 3,17), "Mọi người trong gia đình tôi nói những lời gây tổn thương hoặc lăng mạ, sỉ nhục tôi" (ĐTB = 3,15), "Tôi nghĩ rằng bố mẹ tôi mong là đã không sinh tôi ra" (ĐTB = 3,14) và "Tôi tin rằng tôi đã bị xâm hại về cảm xúc" (ĐTB = 3,13). Nhìn chung, các biểu hiện có mức điểm trung bình tương đối tương đồng, cho thấy học sinh THPT trong mẫu nghiên cứu vẫn có những trải nghiệm liên quan đến các hành vi gây tổn thương về mặt cảm xúc trong gia đình, tuy nhiên các trải nghiệm này chưa xuất hiện ở mức thường xuyên.

**Bảng 3: Mức độ trải nghiệm sang chấn về lạm dụng thể chất ở học sinh THPT**

| Biểu hiện | ĐTB | ĐLC |
|---|---|---|
| Tôi từng bị người trong gia đình đánh rất nặng đến mức phải đi khám bác sĩ hoặc nhập viện. | 2.57 | 0.81 |
| Người trong gia đình đánh tôi đến mức thâm tím hoặc để lại sẹo. | 2.54 | 0.81 |
| Tôi đã bị phạt bởi thắt lưng, roi vọt, dây thừng hoặc những vật cứng khác. | 2.47 | 0.81 |
| Tôi tin rằng tôi đã bị xâm hại về thể chất. | 2.49 | 0.80 |
| Tôi đã bị đánh, tát nặng đến mức giáo viên, hàng xóm, bác sĩ phải để ý. | 2.60 | 0.81 |
| Chung | 2.53 | 0.57 |

Kết quả thể hiện tại Bảng 3 cho thấy mức trải nghiệm lạm dụng thể chất của học sinh trung học phổ thông có điểm trung bình chung đạt 2,53. Trong các biểu hiện, nội dung "Tôi đã bị đánh, tát nặng đến mức giáo viên, hàng xóm, bác sĩ phải để ý" có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 2,60), tiếp đến là "Tôi từng bị người trong gia đình đánh rất nặng đến mức phải đi khám bác sĩ hoặc nhập viện" (ĐTB = 2,57), "Người trong gia đình đánh tôi đến mức thâm tím hoặc để lại sẹo" (ĐTB = 2,54), "Tôi tin rằng tôi đã bị xâm hại về thể chất" (ĐTB = 2,49) và "Tôi đã bị phạt bởi thắt lưng, roi vọt, dây thừng hoặc những vật cứng khác" (ĐTB = 2,47). Nhìn chung, các biểu hiện có mức điểm trung bình khá tương đồng, cho thấy học sinh THPT trong mẫu nghiên cứu có trải nghiệm liên quan đến hành vi lạm dụng thể chất trong gia đình, tuy nhiên các trải nghiệm này chỉ xuất hiện ở mức rất ít khi.

Kết quả cho thấy mức trải nghiệm lạm dụng tình dục của học sinh trung học phổ thông có điểm trung bình chung đạt 2,14. Trong các biểu hiện, nội dung "Có ai đó đã tìm cách chạm vào phần nhạy cảm trên cơ thể tôi hoặc tìm cách để tôi đụng chạm vào họ" có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 2,28), tiếp đến là "Tôi tin rằng tôi đã bị xâm hại tình dục" (ĐTB = 2,14), "Có ai đó đe dọa, uy hiếp hoặc lừa phỉnh để ép tôi phải làm việc liên quan đến tình dục với họ" (ĐTB = 2,13), "Có ai đó cố gắng để tôi làm hoặc xem những thứ liên quan đến tình dục" (ĐTB = 2,11) và "Có ai đó gạ gẫm, đụng chạm, sờ mó, thậm chí là cưỡng bức tôi" (ĐTB = 2,06). Nhìn chung, các biểu hiện có mức độ điểm trung bình tương đối tương đồng, phản ánh rằng học sinh THPT trong mẫu nghiên cứu ít có trải nghiệm liên quan đến các hành vi lạm dụng tình dục.

Kết quả cho thấy mức trải nghiệm bỏ bê cảm xúc của học sinh trung học phổ thông có điểm trung bình chung đạt 3,38. Trong các biểu hiện, mục "Mọi người trong gia đình tôi cảm thấy gần gũi lẫn nhau" có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,50), tiếp đến là "Có một ai đó trong gia đình tôi tôn trọng tôi" (ĐTB = 3,41), "Gia đình tôi là nguồn sức mạnh và nguồn hỗ trợ cho tôi" (ĐTB = 3,36), "Mọi người trong gia đình tôi để ý và quan tâm lẫn nhau" (ĐTB = 3,32) và "Tôi cảm thấy được yêu thương" (ĐTB = 3,30). Nhìn chung, các biểu hiện về bỏ bê cảm xúc có điểm trung bình tương đối đồng đều, phản ánh học sinh trung học phổ thông trong mẫu nghiên cứu đều có những trải nghiệm nhất định về sự thiếu hụt quan tâm, yêu thương, tôn trọng và hỗ trợ từ gia đình.

Kết quả cho thấy mức trải nghiệm bỏ bê thể chất của học sinh trung học phổ thông có điểm trung bình chung đạt 2,86. Trong các biểu hiện, nội dung "Bố mẹ tôi vì quá mê rượu chè, hút chích, cờ bạc mà không thể chăm sóc gia đình"

có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 2,89), tiếp đến là "Tôi đã không có đủ để ăn/ăn không đủ no" (ĐTB = 2,86), "Tôi đã phải mặc quần áo rách rưới, bẩn thỉu hoặc không đủ ấm" (ĐTB = 2,86), "Có người quan tâm đến sức khỏe của tôi, đưa tôi đi khám, mua thuốc cho tôi lúc cần" (ĐTB = 2,84) và "Tôi biết có một ai đó chăm sóc và bảo vệ tôi" (ĐTB = 2,83). Nhìn chung, các biểu hiện có mức điểm trung bình tương đối tương đồng, cho thấy học sinh THPT trong mẫu nghiên cứu có trải nghiệm liên quan đến tình trạng bỏ bê thể chất.

**IV. BÀN LUẬN**

Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu xuất hiện ở các mức độ khác nhau trong nhóm học sinh THPT, với bỏ bê cảm xúc, lạm dụng cảm xúc và bỏ bê thể chất nổi bật hơn so với lạm dụng thể chất và lạm dụng tình dục. Đáng chú ý, bỏ bê cảm xúc có tỷ lệ học sinh ở mức nghiêm trọng cao nhất (39,4%), tiếp đến là lạm dụng cảm xúc (25,2%) và bỏ bê thể chất (13,9%). Phát hiện này cho thấy những trải nghiệm bất lợi không nhất thiết biểu hiện dưới dạng bạo lực trực tiếp mà còn có thể liên quan đến sự thiếu hụt về đáp ứng cảm xúc, sự quan tâm và chăm sóc trong gia đình.

Đồng thời, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Tran và cộng sự (2018) khảo sát 1.851 học sinh trung học cơ sở và THPT tại Việt Nam và cho thấy lạm dụng cảm xúc, chứng kiến xung đột giữa cha mẹ có xu hướng gia tăng theo tuổi. Nghiên cứu của Charak và cộng sự (2017) trên 231 thanh thiếu niên Burundi cũng ghi nhận các dạng lạm dụng cảm xúc, bỏ bê cảm xúc và bỏ bê thể chất ở mức đáng kể.

Mặt khác, tỷ lệ bỏ bê cảm xúc cao trong nghiên cứu hiện tại cho thấy các trải nghiệm liên quan đến sự thiếu hụt tình cảm và hỗ trợ từ gia đình có thể là một khía cạnh đáng lưu ý trong trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu của học sinh. Ngược lại, tỷ lệ lạm dụng tình dục ở mức nghiêm trọng chỉ 0,2% cần được diễn giải thận trọng. Tỷ lệ tự báo cáo thấp không đồng nghĩa với sự vắng mặt của trải nghiệm này, bởi trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu ở trẻ em thường bị che giấu và phụ thuộc đáng kể vào phương pháp thu thập dữ liệu. Nhìn chung, kết quả gợi ý rằng phòng ngừa trong trường học cần quan tâm đồng thời đến bạo lực trực tiếp, tổn thương cảm xúc và bỏ bê, thay vì chỉ tập trung vào những hình thức trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu dễ nhận diện.

**V. KẾT LUẬN**

Kết quả từ nghiên cứu cho thấy học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có trải nghiệm sang chấn thời thơ ấu ở nhiều mức độ khác nhau. Tổng điểm trải nghiệm chủ yếu tập trung ở mức trung bình. Xét theo các khía cạnh, lạm dụng cảm xúc, bỏ bê cảm xúc và bỏ bê thể chất là những dạng sang chấn được ghi nhận nổi bật hơn so với lạm dụng thể chất và lạm dụng tình dục. Trong đó, bỏ bê cảm xúc có tỷ lệ học sinh ở mức nghiêm trọng cao nhất, tiếp đến là lạm dụng cảm xúc và bỏ bê thể chất. Kết quả phân tích theo từng khía cạnh cũng cho thấy mức độ trải nghiệm các dạng sang chấn dao động từ "Rất ít khi" đến "Ít khi", phản ánh sang chấn thời thơ ấu vẫn hiện diện ở một bộ phận học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và là vấn đề cần được quan tâm trong công tác chăm sóc, bảo vệ và hỗ trợ sức khỏe tâm thần học đường.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Felitti, V. J., Anda, R. F., Nordenberg, D., Williamson, D. F., Spitz, A. M., Edwards, V., & Marks, J. S. (1998). Relationship of childhood abuse and household dysfunction to many of the leading causes of death in adults: The Adverse Childhood Experiences (ACE) Study. American journal of preventive medicine, 14(4), 245-258.

Shonkoff, J. P., Garner, A. S., Committee on Psychosocial Aspects of Child and Family Health, Committee on Early Childhood, Adoption, and Dependent Care, and Section on Developmental and Behavioral Pediatrics, Siegel, B. S., Dobbins, M. I., Earls, M. F., ... & Wood, D. L. (2012). The lifelong effects of early childhood adversity and toxic stress. Pediatrics, 129(1), e232-e246.

Hughes, K., Bellis, M. A., Hardcastle, K. A., Sethi, D., Butchart, A., Mikton, C., ... & Dunne, M. P. (2017). The effect of multiple adverse childhood experiences on health: a systematic review and meta-analysis. The Lancet public health, 2(8), e356-e366.

Russell, A.E., Joinson, C., Roberts, E., Heron, J., Ford, T., Gunnell, D., et al. (2021). Childhood adversity, pubertal timing and self-harm: A longitudinal cohort study. Psychological Medicine, 52, 1–9.

Yan, Y., Zhang, J., & Lu, N. (2024). Adverse childhood experiences and self-esteem among adolescents: The role of social capital and gender. Journal of adolescence, 96(7), 1539–1554. https://doi.org/10.1002/jad.12361

Nguyễn Phương Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Bé, Tạ Thu Hà, & Bùi Thị Phương Thảo. (2022). Thực trạng trải

nghiệm sang chấn thời thơ ấu của học sinh trung học cơ sở. HNUE Journal of Science: Educational Sciences, 67(2), 168–175. https://doi.org/10.18173/2354-1075.2022-0033

Nguyen, H. T., Dunne, M. P., & Le, A. V. (2010). Multiple types of child maltreatment and adolescent mental health in Viet Nam. Bulletin of the World Health Organization, 88(1), 22-30.

Pham, T. S., Qi, H., Chen, D., Chen, H., & Fan, F. (2021). Prevalences of and correlations between childhood trauma and depressive symptoms, anxiety symptoms, and suicidal behavior among institutionalized adolescents in Vietnam. Child Abuse & Neglect, 115, 105022.

Ánh, N. C. M., Công, T. V., & Ngọc, N. P. H. (2022). Trải nghiệm bị lạm dụng thời thơ ấu và biểu hiện trầm cảm ở học sinh trung học phổ thông: Một nghiên cứu cắt ngang. Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU Journal of Social Sciences and Humanities), 8(2b), 279-293.

Trang, N. T. P., Trinh, T. T. N., Hằng, Đ. T. T., Phước, N. T. H., Quang, P. T., Hương, T. L., ... & Linh, N. H. T. (2025). Mối liên quan giữa trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và một số hành vi không có lợi cho sức khỏe của học sinh một số trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Huế. Tạp chí Y học Cộng đồng, 66(CĐ17-HNKH Hội Y học Giới tính).